

GIAO LƯU VĂN HÓA CỦA NGƯỜI NÙNG Ở BIÊN GIỚI TỈNH CAO BẰNG¹

TS. Trần Thị Mai Lan

Viện Dân tộc học

Email: lantran1008@yahoo.com

Tóm tắt: Tại Việt Nam, người Nùng sinh sống tập trung ở miền núi vùng Đông Bắc. Chỉ riêng tỉnh Bằng, người Nùng có dân số 157.607 người, cư trú chủ yếu ở 4 huyện: Phục Hòa, Quảng Uyên, Hạ Lang và Trà Lĩnh (nay là 3 huyện Quảng Hòa, Trùng Khánh và Hạ Lang). Do sinh sống ở vùng biên giới gần với khu tự trị dân tộc Choang của tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc nên người Nùng vừa lưu giữ được nhiều nét văn hóa truyền thống của tộc người, đồng thời luôn có sự giao lưu dưới nhiều hình thức với các tộc người trong nước và đồng tộc cũng như khác tộc ở bên kia biên giới Việt Nam - Trung Quốc, tạo nên nền văn hóa Nùng hiện đại đa sắc.

Từ khóa: Người Nùng, giao lưu văn hóa, biên giới, Cao Bằng.

Abstract: In Vietnam, the Nung people live mainly in the Northeast mountainous area. In the Cao Bang province, the Nung people have a population of 157,607 people, residing mainly in 4 districts: Phuc Hoa, Quang Uyen, Ha Lang and Tra Linh (currently 3 districts of Quang Hoa, Trung Khanh and Ha Lang). As the Nung people live in the border area close to the Zhuang Autonomous Region of Guangxi province, China, local Nung people still retain many traditional cultural features of their ethnic group and has always been a cultural exchange between the Nung people and other ethnic groups on both sides of the Vietnam-China border, through this exchange they create a diverse modern Nung culture.

Keywords: Nung people, cultural exchange, border, Cao Bang.

Ngày nhận bài: 1/11/2021; ngày gửi phản biện: 6/11/2021; ngày duyệt đăng: 21/11/2021.

Mở đầu

Người Nùng là một trong những tộc người thiểu số có dân số đông ở nước ta, có ảnh hưởng nhất định về văn hóa tại vùng núi Đông Bắc. Ngày 1/4/2019, người Nùng có dân số là 1.083.298 người, ngoài Lạng Sơn, người Nùng tập trung nhiều ở tỉnh Cao Bằng, trong đó khu vực biên giới là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động giao lưu, kết nối với các tộc

¹ Bài viết là kết quả của đề tài khoa học cấp Bộ: “Ảnh hưởng văn hóa của một số tộc người ở Trung Quốc đến người Nùng và người Hmông ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng”, do TS. Trần Thị Mai Lan làm chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì, thực hiện trong hai năm 2021 - 2022.

người khác nhau, bao gồm đồng tộc và khác tộc ở bên kia biên giới. Hoạt động giao lưu văn hóa của người Nùng với các tộc người khác trong và ngoài nước đã duy trì từ nhiều đời nay. Trước kia, sự giao lưu chủ yếu tồn tại trong phạm vi những nhóm cộng đồng nhỏ lẻ, theo từng nhánh dòng họ hay thông qua quan hệ hôn nhân. Từ những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, khi quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc bình thường trở lại, hoạt động giao lưu giữa hai bên biên giới đã được mở rộng về phạm vi. Ngoài các hoạt động ngoại giao chính thức của các cấp chính quyền địa phương, giao lưu nhân dân, kết nghĩa và ký kết làng bản hữu nghị giữa các thôn bản ở hai bên biên giới được đẩy mạnh. Gần đây, những hoạt động giao lưu trong và ngoài nước của người Nùng ở Cao Bằng ngoài hình thức truyền thống còn được biểu hiện dưới những hình thức mới, khiến cho văn hóa truyền thống của đồng bào chuyển biến nhanh và rõ nét hơn, góp phần làm thay đổi văn hóa của tộc người Nùng và của các tộc người khác sinh sống ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Phần lớn người Nùng ở nước ta có nguồn gốc từ Quảng Tây, Trung Quốc sang sinh sống tại Việt Nam cách đây 200 - 300 năm. Theo một số tài liệu cho thấy, tỉnh Cao Bằng là một trong những địa phương có các nhóm người Nùng gốc Choang từ Quảng Tây di cư đến sớm nhất vào khoảng thế kỷ XVI (Nguyễn Thị Yên, 2014, tr.103). Đến nay, người Nùng ở Cao Bằng gồm các nhóm: Nùng Giang, Nùng An, Nùng Phàn Slinh, Nùng Inh, Nùng Lòì, Nùng Cháo,... Mặc dù có sự phân chia như vậy nhưng các nhóm vẫn có những nét tương đồng về nhiều mặt trong cuộc sống sinh hoạt và tập quán. Đồng bào phân bố cư trú ở hầu khắp các xã, phường, thị trấn của tỉnh Cao Bằng, với số dân chiếm 32,86% dân số toàn tỉnh, trong đó nếu theo đơn vị hành chính trước năm 2020 thì người Nùng tập trung nhiều ở 4 huyện biên giới phía đông là: Phục Hòa (68,74%), Quảng Uyên (59,68%), Hạ Lang (51,69%), Trà Lĩnh (42,2%) (Báo ảnh Dân tộc và Miền núi, 2018)². Hiện nay, huyện Phục Hòa và Quảng Uyên đã sáp nhập thành huyện Quảng Hòa (66.620 người); Hạ Lang (25.439 người); huyện Trà Lĩnh đã sáp nhập vào huyện Trùng Khánh (70.424 người) (Số liệu tính đến ngày 1/4/2019). So với trước đây, các nhóm Nùng hiện nay phát triển đông hơn nhiều về dân số, nhưng vẫn sống quần cư theo từng làng bản tại vùng đồi núi thấp, ven chân núi, thung lũng, vùng địa hình gần sông, suối, thuận lợi cho canh tác nông - lâm nghiệp. Khu vực sinh sống của đồng bào được trải dọc theo chiều dài biên giới, giáp với khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội với những cộng đồng trong nước và bên kia biên giới. Đặc biệt, những ảnh hưởng từ nhóm người Choang sống ở bên kia biên giới còn khá đậm nét trong đời sống của người Nùng Cao Bằng hiện nay.

1. Các hình thức giao lưu văn hóa của người Nùng ở tỉnh Cao Bằng

Người Nùng ở biên giới tỉnh Cao Bằng vốn có truyền thống quan hệ tốt đẹp với các tộc người láng giềng. Bởi vì từ xưa, đồng bào đã có những hình thức giao lưu như gặp gỡ, hát

² Từ ngày 1/3/2020 đến nay đã sáp nhập huyện Phục Hòa, huyện Quảng Uyên và xã Quốc Toàn thuộc huyện Trà Lĩnh thành huyện Quảng Hòa; sáp nhập phần còn lại của huyện Trà Lĩnh vào huyện Trùng Khánh.

giao duyên tại các phiên chợ; kết nối quan hệ trong các hoạt động buôn bán thường ngày, các dịp lễ hội; mở rộng quan hệ thông qua hôn nhân với người khác tộc trong nước, với người đồng tộc và khác tộc xuyên biên giới.

Giao lưu thông qua các mối quan hệ huyết thống, hôn nhân, kết nghĩa: Về mặt xã hội, nhiều cư dân thuộc dân tộc Choang phía Trung Quốc và dân tộc Nùng phía Việt Nam ở hai bên biên giới Việt Nam - Trung Quốc có quan hệ đồng tộc, thân tộc, hôn nhân, kết nghĩa anh chị em, bạn bè có tình cảm tốt hoặc là bạn từ nhiều đời. Điều này dẫn tới việc ngày thường người dân hai bên biên giới đi lại hỏi thăm, có khó khăn hai bên giúp đỡ lẫn nhau (Phạm Hồng Quý, 2008). Trong lịch sử, người Nùng đã từng tham gia trong quân đội của các triều đại Trung Quốc, Việt Nam và đóng những vai trò quan trọng đối với các trận chiến ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc cho đến ngày nay (Nguyễn Đức Hiệp, 2007).

Giao lưu thông qua các hoạt động liên hoan văn hóa văn nghệ giữa các địa phương hai bên biên giới: Đây là hoạt động diễn ra thường xuyên ở tỉnh Cao Bằng, như Chương trình giao lưu văn hóa quốc tế giữa huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng với hai huyện Tịnh Tây và Đại Tân của Trung Quốc, trong đó có lễ hội du lịch thác Bản Giốc và liên hoan hát *Then*. Đặc biệt, Hội Hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc của tỉnh Cao Bằng còn phối hợp với Hội Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh và huyện Hạ Lang tổ chức thành công hoạt động giao lưu văn hóa hữu nghị, triển khai nhiều tiết mục văn nghệ, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật nhà nước, các văn kiện pháp lý biên giới Việt Nam - Trung Quốc đối với nhân dân tại xóm Bản Đầu, thôn Cao Sơn, trấn Kim Long, huyện Long Châu, thành phố Sùng Tả, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc (Kim Thoa, 2017).

Giao lưu thông qua các phiên chợ địa phương: Chợ phiên ở Cao Bằng họp định kỳ 5 ngày một lần là nơi sinh hoạt giao lưu kinh tế, văn hóa của các tộc người thiểu số miền núi Cao Bằng nói chung và người Nùng nói riêng. Có thể nói, chợ là bảo tàng sống thu nhỏ về đời sống tộc người. Ngoài việc trao đổi, mua bán sản vật, chợ còn là nơi thể hiện những đặc trưng văn hóa mang đậm bản sắc tộc người như trang phục, âm nhạc, trò chơi dân gian, nghề truyền thống và nhiều cảnh diễn văn hóa đặc sắc khác. Ở chợ phiên, người Nùng có thể gặp gỡ, trò chuyện, mua bán hàng hóa, trao đổi thông tin, thiết lập quan hệ hợp tác làm ăn với người đồng tộc và khác tộc. Những phiên chợ trước đây còn diễn ra các hoạt động văn nghệ như hát đối đáp, hát giao duyên, múa lân...; từ đó các mối quan hệ bạn bè, tình cảm giữa nam, nữ của người Nùng nảy sinh và phát triển. Đặc biệt, ở những chợ giáp biên thường có mặt người dân tộc thiểu số mang quốc tịch Trung Quốc đến buôn bán, trao đổi hàng hóa với các tộc người của Việt Nam. Tại những phiên chợ như vậy, các hoạt động giao lưu xuyên biên giới của người Nùng diễn ra thường xuyên và mạnh mẽ hơn.

Giao lưu thông qua quá trình học tập, làm thuê ở Trung Quốc: Việc gửi cán bộ, học sinh sang Quảng Tây đào tạo kiến thức và học nghề đã trở thành thông lệ trong chương trình hợp tác giữa Quảng Tây và các tỉnh biên giới phía Đông Bắc Việt Nam. Từ năm 2015 đến

nay, tỉnh Cao Bằng đã cử 22 cán bộ công chức, viên chức và 9 học sinh sang học đại học, sau đại học tại Trường Đại học Quảng Tây, trong đó có các cán bộ và học sinh người Nùng (Thúy Hằng, Thành Luân, 2021). Bên cạnh đó, hiện tượng di chuyển đến vùng giáp biên hoặc qua biên giới tìm kiếm việc làm của người dân tộc thiểu số, bao gồm người Nùng đã và đang diễn ra thường xuyên ở Cao Bằng. Các công việc bán hàng, bốc vác, vận chuyển hàng ở biên giới cho người Kinh và người dân tộc khác thu hút được nhiều lao động người Nùng tại khu vực giáp biên. Nhìn chung, số lượng người sang Trung Quốc làm thuê tự do là rất lớn: từ 2011 - 2013 ở Cao Bằng có 8.308 lượt công dân vượt biên trái phép sang Trung Quốc tìm kiếm việc làm (Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan đồng chủ biên, 2017, tr. 111-113); năm 2017 có 8.000 lượt người; năm 2018 là 9.700 lượt người (Công Thông tin điện tử Bộ Thương Binh - Lao động và Xã hội, 2019). Đa phần trong số người đi làm thuê không có hợp đồng lao động, làm các công việc chân tay ở biên giới Trung Quốc giáp với Việt Nam trong thời gian ngắn ngày. Trong quá trình làm thuê ở trong và ngoài nước, các lao động đều học hỏi được nhiều kinh nghiệm về sinh hoạt, sản xuất và buôn bán từ người Kinh và người nước ngoài.

Giao lưu thông qua các lễ hội: Các lễ hội ở vùng biên giới Cao Bằng, nhất là những lễ hội được tổ chức vào đầu năm thường thu hút sự tham gia đông đảo không chỉ những tộc người thiểu số mà còn có rất đông người Kinh. Thời gian từ tháng 1 đến tháng 3 âm lịch, Cao Bằng có gần 40 lễ hội tín ngưỡng dân gian như: lễ hội đền vua Lê (6/1); hội *đền Đẻ Đống* ở huyện Hòa An (15/1); lễ hội *Nàng Hai* ở Quảng Hòa (18/3); lễ hội đền Kỳ Sầm tưởng nhớ anh hùng Nùng Trí Cao (10/1);... (Công thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2021). Từ những lễ hội đó, người Nùng có cơ hội tiếp xúc với nhiều dân tộc trong vùng và người Kinh đến từ các địa phương của miền Bắc. *Lày cở* hoặc *sài mạ* là hoạt động giao lưu trong những dịp lễ, tết, ngày vui của người Tày, Nùng ở tỉnh Cao Bằng và một số địa phương lân cận, mang nét văn hóa dân gian đặc sắc. Vì thế, nhiều năm nay, khi mới tổ chức lễ hội đầu Xuân của xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, ban tổ chức đã đưa *lày cở* là một trong những môn thi trong ngày hội và nhận được sự hưởng ứng từ người dân.

Giao lưu thông qua phong tục, tín ngưỡng của tộc người: Các nghi lễ dân gian của người Tày, Nùng ở Cao Bằng thường thu hút những người đồng tộc, thân tộc của họ từ bên kia biên giới đến tham dự, mà nổi bật là lễ tảo mộ ngày 3/3 âm lịch. Vào ngày này, người Nùng thường sắm sửa cỗ, vàng, hương mang đến cúng tại mộ để tưởng nhớ ông bà, tổ tiên và những người đã khuất. Lễ tảo mộ còn là dịp để những người trong họ đoàn tụ, gắn kết tình cảm. Đặc biệt, một số bản làng ở Cao Bằng trước đây là nơi cư trú của một dòng họ, sau đó bị chia tách bởi đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc thì vào ngày Thanh minh, những người có chung tổ tiên hiện đang sống ở hai bên biên giới đều tụ họp tại nơi có dấu tích mộ tổ, tạo nên cơ hội giao lưu giữa những người đồng tộc ở hai nước.

Tín ngưỡng là một trong những yếu tố thúc đẩy phát triển mối quan hệ tộc người. Người Nùng Cao Bằng nổi bật với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và lễ cấp sắc *Then* 12 đền -

nghi lễ lớn của những người làm thầy. Bên cạnh đó, đồng bào còn tổ chức lễ giải hạn đầu năm được lưu giữ qua nhiều đời. Thông qua các nghi lễ trên, người Nùng có dịp họp mặt anh em họ hàng, mời thầy cúng đến làm lễ. Nếu địa phương không có thầy cúng thì mời thầy cúng ở nơi khác, thậm chí mời thầy từ Trung Quốc sang cúng cho gia đình. Nhìn chung, việc hình thành tín ngưỡng với đội ngũ thầy cúng người Nùng là kết quả của quá trình giao lưu, tiếp biến các yếu tố ngoại nhập từ Đạo giáo, Phật giáo, Nho giáo trong lịch sử cho đến tín ngưỡng của các nhóm tộc người khác ở Việt Nam.

Giao lưu thông qua các phương tiện thông tin, viễn thông: Hình thức giao lưu qua các phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông và mạng xã hội đang trở nên phổ biến ở tỉnh Cao Bằng. Thông qua mạng internet, người Nùng ở Cao Bằng, nhất là những người trẻ tuổi có thể kết bạn, giao lưu với những người đồng tộc và khác tộc ở trong và ngoài nước, có điều kiện để mở rộng quan hệ tộc người, từ đó tham gia học hỏi lẫn nhau về phát triển kinh tế - xã hội, cùng nhau thực hành văn hóa tộc người đối với những người đồng tộc; trao đổi, tiếp thu những yếu tố khác biệt tạo nên sự giao thoa văn hóa đối với các nhóm tộc người khác nhau một cách thường xuyên hơn mà không phụ thuộc vào phạm vi địa bàn, khoảng cách địa lý. Trong những năm gần đây, hình thức giao lưu này đã trở nên phổ biến hơn, dần thay thế cho các hình thức giao lưu trực tiếp.

2. Ảnh hưởng từ quá trình giao lưu văn hóa của người Nùng

Ảnh hưởng tới sinh kế: Do sống sát đường biên nên người Nùng Cao Bằng có điều kiện tiếp thu những xu hướng sinh kế mới của người dân biên giới, nhất là việc mở rộng giao thương, qua lại biên giới hiện nay. Nếu trước kia người Nùng duy trì nền kinh tế mang tính tự cấp tự túc cao thì hiện nay sinh kế chính không còn dựa vào nông nghiệp. Nông nghiệp chỉ đóng vai trò thứ yếu trong kinh tế hộ gia đình. Nguồn thu nhập chính của các gia đình người Nùng ở vùng biên dựa trên các hoạt động phi nông nghiệp như buôn bán, dịch vụ ở địa phương, làm thuê, vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa thuê cho các chủ hàng là người Kinh hoặc tộc người khác. Số đông người Nùng chọn hướng sinh kế qua biên giới làm thuê, buôn bán ở khu vực nội địa của Trung Quốc, thuộc địa bàn các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây. Nguồn thu nhập từ hoạt động sinh kế này đóng góp phần lớn cho cuộc sống của gia đình; nhờ đó nhiều gia đình người Nùng đã thoát nghèo và trở nên khá giả. Tuy nhiên, hướng sinh kế ấy không thực sự bền vững và luôn chứa đựng những rủi ro, bất trắc. Nhiều người cư trú và lao động bất hợp pháp trên đất Trung Quốc đã bị bắt, phạt tiền, bị chủ lao động quỵt tiền công, Có trường hợp trên đường về Việt Nam bị trấn lột hết toàn bộ tiền. Một số người bị tai nạn lao động trên đất bạn không được hưởng chế độ bồi thường, có những người phải trả giá bằng cả mạng sống của mình.

Ảnh hưởng tới thói quen và thị hiếu trong tiêu dùng: Mua bán nông sản, nhu yếu phẩm của người Nùng ở Cao Bằng tại khu vực giáp biên và qua biên giới làm thuê diễn ra thường xuyên. Đồng bào chủ yếu buôn bán nông sản, dược liệu và mua các nhu yếu phẩm của Trung

Quốc đề dùng, hiện tượng này khiến cho tâm lý tiêu dùng của người dân có sự thay đổi. Do lựa chọn các sản phẩm tiêu dùng của Trung Quốc nên việc tự chế tác ra các dụng cụ hay mua các sản phẩm sản xuất trong nước trở nên ít đi, ảnh hưởng đến thói quen tiêu dùng. Từ đó, thị hiếu cũng biến đổi theo, dần ưa chuộng những sản phẩm văn hóa ngoại lai và xa rời sản phẩm văn hóa truyền thống của mình.

Ảnh hưởng tới tín ngưỡng tộc người: Nguồn gốc của nghề thầy cúng trong cộng đồng người Nùng ở Việt Nam nói chung và người Nùng ở Cao Bằng nói riêng được xác định là từ Trung Quốc. Việc thờ tổ nghề cúng từ bên kia biên giới có ở khá nhiều dòng cúng của người Nùng. Riêng ở Cao Bằng và Bắc Kạn, do sự thất tán của các dòng họ người Nùng trong quá trình chuyển cư nên các thầy *Pụt* không còn nhớ được nơi phát tích của nghề, vì thế đồng bào thường dùng từ *ham Hác* (ông tổ ở nước Hác, tức Trung Quốc) khi nói về nguồn gốc nghề *Pụt* (Nguyễn Thị Yên, 2014, tr.104).

Dựa vào các mối quan hệ họ hàng, bạn bè hoặc đồng tộc và sự tương đồng ngôn ngữ, thầy cúng người Nùng có thể di chuyển sang nhiều địa bàn khác nhau để hành nghề. Ở Cao Bằng, mỗi huyện có khoảng vài chục thầy cúng, riêng huyện Trùng Khánh có 81 thầy quanh năm đều bận rộn. Một số thầy thường sang các huyện lân cận của Lạng Sơn để hành nghề vào tháng Chạp hàng năm. Vì hành nghề ở Lạng Sơn, có thu nhập cao hơn, nên các thầy *Then* ở Quảng Uyên (Cao Bằng) thường sang các địa phương của huyện Bình Gia để hành nghề. Thậm chí, các thầy cúng còn hành nghề ở các tỉnh xa, những nơi có người Tày, Nùng sinh sống. Đầu năm 2007, một nhóm thầy tào kiêm *Then* đã vào tận Đắc Lắc để làm lễ cấp sắc cho đồng hương của mình. Một số thầy về Hà Nội và các thành phố lớn để hành nghề do những người đồng tộc tuy sinh sống ở thành phố nhưng vẫn có nhu cầu làm lễ theo truyền thống tộc người (Nguyễn Thị Yên, 2008, tr. 507-509).

Ngoài làm lễ, các thầy cúng còn truyền nghề cho các đệ tử ở Tây Nguyên, vì vậy có hiện tượng các thầy cúng người Tày, Nùng ở Tây Nguyên thờ các vị tổ sư ở Cao Bằng, Lạng Sơn. Quá trình thâm nhập và ảnh hưởng của đội ngũ thầy cúng người Nùng gốc Choang vào vùng người Tày cũng đã được một số nhà nghiên cứu quan tâm. Trong số những người Nùng gốc Choang di cư đến vùng cư trú người Tày, có người biết cúng bái. Nhờ sự tương đồng ngôn ngữ và phong tục tập quán, họ dễ dàng hành nghề để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng. Trong khi một số khác quay lại quê cũ ở Trung Quốc để học thêm, thậm chí thu nạp các đệ tử là người Tày, mở rộng ảnh hưởng trong cộng đồng Tày và biến thành ngành cúng của người Tày, *Pụt Nùng* chuyển thành *Pụt Tày*, *Tào Nùng* chuyển thành *Tào Tày* (Nguyễn Thị Yên, 2014, tr. 103-104).

Không chỉ di chuyển trong nước, các thầy cúng người Nùng ở Cao Bằng còn hoạt động xuyên biên giới. Khu vực biên giới Hạ Lang, nơi tiếp giáp với huyện Long Châu tỉnh Quảng Tây là địa bàn mà các thầy cúng thường hay qua lại (Nguyễn Thị Yên, 2008, tr. 509). Cũng có trường hợp người Nùng mời các thầy cúng bên kia biên giới đến làm lễ, vì trong

quan niệm của hầu hết các tộc người là phải mời được thầy cúng đồng tộc bất kể thầy là người ở Việt Nam hay Trung Quốc. Như vậy, sự hình thành và biến đổi các hình thức cúng bái của người Nùng trong lịch sử thường gắn với quá trình giao lưu, hòa nhập của một số yếu tố tôn giáo tín ngưỡng đến từ nhiều hướng, nhất là từ người Choang Quảng Tây và người Kinh ở miền Bắc Việt Nam (Nguyễn Thị Yên, 2014, tr. 105).

Ảnh hưởng tới văn nghệ dân gian truyền thống: Phong tục tập quán, đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc Nùng rất phong phú, bao gồm truyện kể dân gian, truyện thơ và kho tri thức về tự nhiên, địa lý, lịch sử hay kinh nghiệm chữa bệnh bằng các bài thuốc dân gian,... Những truyện dân gian và dân ca Nùng được ghi chép lại như: Lưu Đài - Hán Xuân, Tần Chu - Quyền Vương, Lưu San - Lưu Vương, Tống Trân - Cúc Hoa, Phạm Tài - Ngọc Hoa, Quảng Tân - Ngọc Lương, Mộc Quế Anh, Thanh Minh miếu cô (miếu Thanh Minh ở Phúc Sen, Quảng Uyên), *Sli slíp sloong buon* (Sli 12 tháng), *Sli mǎng pi mǎu* (Sli mừng năm mới), *Sli chúc mǎng* (Sli chúc tụng, mừng các tiết trong năm), *Sli lẩu* (Sli đám cưới), Hát chúc *phù khươi, phù noọng* (Hát chúc phù rễ, phù dâu)..., đều là những tác phẩm có nguồn gốc từ Trung Quốc, chịu ảnh hưởng từ người Hán. Những yếu tố văn hóa này được hình thành từ quê hương cũ của họ và được bảo tồn đến ngày nay.

Sli là hình thức hát thơ, chủ yếu là truyện thơ và được biểu diễn bằng hát đối đáp nam nữ, thường do một hoặc vài đôi nam nữ hát trong các phiên chợ, ngày hội, đám cưới, mừng nhà mới. Chủ đề các bài *sli* thể hiện những quan niệm về đạo đức, chứa đựng tư tưởng nhân bản, với nội dung hướng thiện nên có tác dụng giáo dục sâu sắc. Người Nùng Giang ở các huyện Trùng Khánh, Quảng Hòa, Hà Quảng thường hát làn điệu *Sli Giang* ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên, cuộc sống mới tươi đẹp, sự ấm no hạnh phúc. Hiện nay, do sự giao lưu với văn hóa quốc gia, các nghệ nhân *sli* đã sáng tác thêm những bài mới với nội dung ca ngợi Đảng, lãnh tụ, anh hùng dân tộc, ca ngợi quê hương đất nước, chống tệ nạn xã hội... dựa trên nền văn hóa truyền thống để mở rộng tuyên truyền trong cộng đồng với những nội dung phù hợp cuộc sống mới. Cùng mục đích tuyên truyền, bảo tồn vốn văn hóa phi vật thể của người Nùng, nghệ nhân Mạc Văn Đậu đã sưu tầm, ghi chép về phong tục tập quán của người Nùng ở Cao Bằng rồi dịch sang tiếng Việt để nhiều người cùng hiểu và hát. Câu lạc bộ hát *sli* của nghệ nhân Mạc Văn Đậu ở Bắc Giang đã kết nối được với người Nùng ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Đắk Lắk để hát đối đáp qua Zalo, Facebook vào buổi tối (Long Vũ, 2020).

Bên cạnh sự kết nối nhằm bảo tồn văn hóa tộc người, một số nhóm nhỏ trong cộng đồng người Tày, Nùng Cao Bằng còn lập ra *Nhóm giao lưu văn hóa dân tộc Tày Nùng Cao Bằng* nhằm trao đổi văn hóa với những người xa quê. Trong đó, chia sẻ những bài hát, điệu múa của người Tày, Nùng, Thái trên cả nước, chia sẻ chương trình phát thanh tiếng Tày, Nùng của Đài Tiếng nói Việt Nam với các điệu dân ca Tày, Nùng và những thông tin kinh tế - xã hội. Đa số các làn điệu truyền thống đều được đặt lời mới. Việc chia sẻ văn hóa truyền thống trên Facebook giúp cho các nhóm Nùng trên cả nước có điều kiện hiểu biết nhiều

hơn về văn hóa của nhau, nhưng cũng làm nảy sinh nhiều tác phẩm dị bản, pha trộn nhiều yếu tố văn hóa hiện đại.

Ngoài *sli*, các điệu múa rồng và múa lân trong dịp lễ hội, hát tuồng *Dá Hai* là đặc trưng của dân tộc Nùng, giàu âm hưởng trữ tình. Cùng với đó, người Nùng còn tiếp xúc văn hóa trong mỗi lần gặp gỡ, trao đổi, sẻ chia..., có khi bằng lời nói, có lúc bằng lời ca. Như một lẽ tự nhiên, người ta có thể hát những điệu *Dá Hai* với nhau trên đường đi chợ phiên để vui bớt sự xa xôi, mệt nhọc; hát *Dá Hai* giữa chủ với khách trong đêm nghỉ ngơi ở bản làng xa; hát *Dá Hai* trong những lần giao thương “thuận buồm, xuôi gió”,... (Triệu Thị Kiều Dung, 2021). Hầu hết mọi người đều cho rằng *Dá Hai* có nguồn gốc từ nghệ thuật *Mộc thầu hý* - một hình thức múa rối que, rối dây, rối tay của Trung Quốc, do các nghệ nhân dân gian diển múa vui tại hội làng, phố chợ. Theo một số nhà nghiên cứu, nhận định trên là hợp lý bởi quá trình giao thương giữa cư dân biên giới đã hình thành nên những khu vui chơi giải trí phục vụ những đoàn thương gia từ bên kia biên giới sang. Từ đó, văn hóa phố chợ dần được hình thành. Nội dung các vở diển của *Dá Hai* thường kể lại các tích truyện có sẵn như Ngọc Phù Dung, Lục Vân Tiên,... Trong quá trình phát triển xã hội cũng như giao thoa văn hóa với các tộc người, nội dung của *Dá Hai* cũng đã thay đổi, không chỉ dừng lại ở các tích cũ mà có sự sáng tạo, gắn liền với cuộc sống hiện tại và mang ý nghĩa cao đẹp, đậm tính nhân văn như: ca ngợi Đảng, Bác Hồ, ca ngợi quê hương, gương người tốt việc tốt (Phong Chương, 2016).

Ảnh hưởng giữa các tộc người có chung nguồn gốc: Nhiều yếu tố văn hóa của người Nùng ở Cao Bằng đã thể hiện sự giao lưu tiếp biến văn hóa lẫn nhau giữa các tộc người Tày và Nùng ở Việt Nam với Choang ở Trung Quốc. Chẳng hạn việc thờ thần bảo hộ cho dân bản và thờ anh hùng dân tộc đã phần nào thể hiện sự giao lưu tiếp xúc giữa các tộc người này trong lịch sử. Ở mỗi bản của người Tày, Nùng, Choang đều có miếu thờ chung, thờ thần bảo hộ cho cả dân bản. Miếu thổ địa chủ yếu thờ người có công khai lập bản hoặc người có công với dân bản, được dân bản coi là tổ tiên của bản. Nhiều địa phương của cả khu vực Tày, Nùng, Choang đều có quan niệm tổ tiên sau ba đời trở lên có thể hóa thành thần thổ địa trông coi làng bản, vì thế thần thổ địa cũng được coi là thần tổ tiên xa của các gia đình. Các khu vực có người Tày, Nùng, Choang sinh sống còn giữ tục vào ngày 30 Tết Nguyên đán, các gia đình làm cỗ để cúng mời thổ địa ăn Tết trước với ý nghĩa tôn kính, sau đó cả bản mới chính thức ăn Tết. Nghi lễ cúng thổ địa ở ba dân tộc tương tự như nhau, cũng có nghi lễ thường kỳ và nghi lễ bất thường. Điểm khác biệt trong thờ cúng thổ địa ở ba dân tộc là một số chi tiết về cách lập miếu thờ, thời điểm tổ chức tế lễ, cách thức cúng tế. Hiện nay, ở một số vùng của người Choang như ngoại thành thủ phủ Nam Ninh, người ta đã mua tượng đặt trong miếu thổ địa. Một số khu vực người Choang còn thờ các vị thần xã hội mang tính liên bản, quản thôn to gồm vài xóm. Ở huyện Mã Sơn của Quảng Tây, trên mỗi đường phố người ta còn xây các miếu thổ công đường phố với quy mô khá lớn, nội dung thờ cúng tương tự như thờ thổ địa ở bản làng (Nguyễn Thị Yên, 2006, tr. 16).

Độc biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc các huyện Tịnh Tây, Thiên Đẳng của tỉnh Quảng Tây, khu tự trị Choang Vân Sơn của tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và một số huyện của tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) có khá nhiều nơi lập miếu thờ Nùng Trí Cao - người được tôn là anh hùng dân tộc của nhóm các dân tộc Tày, Nùng, Choang ở khu vực này. Trong lịch sử, Nùng Trí Cao suýt nữa chiến thắng nhà Tống tại trận đánh ở đèo Côn Lôn (gần Ung Châu, nay là Nam Ninh) để thành lập một nước gồm Quảng Tây, Quảng Đông và một phần Vân Nam. Theo nhà sử học Barlow và Huang, đây là trận đánh có ý nghĩa quyết định của lịch sử người Nùng - Choang, cũng như trận đánh lịch sử Hastings đối với người Anh và Waterloo đối với Pháp. Nếu vận mệnh chiến trường thay đổi, thì có thể đã có một nước Nùng - Choang ở giữa Việt Nam và Trung quốc (Nguyễn Đức Hiệp, 2007). Đền thờ Nùng Trí Cao có ở cả Việt Nam và Trung Quốc, tuy số lượng đền không nhiều nhưng khá bề thế, với sự ảnh hưởng nhất định trong phạm vi khu vực rộng lớn. Vào các dịp lễ, tết hoặc ngày sóc, vọng hàng tháng, khá đông dân từ các nơi mang lễ vật đến cúng tại đền. Cần lưu ý là, việc thờ Nùng Trí Cao với tư cách là vị thần dân tộc của người Tày, Nùng, Choang chỉ phổ biến trong khu vực cư trú nhất định của họ.

Ba dân tộc Tày, Nùng, Choang đều sùng bái các hiện tượng thiên nhiên, tôn thờ thành vị thần cai quản, điều phối môi trường tự nhiên. Đồng bào có khá nhiều truyền thuyết xung quanh mặt trời như chuyện làm mặt trời, chuyện mặt trời sinh con, chuyện bắn mặt trời, chuyện gà đi tìm mặt trời,... Đến nay, việc thờ thần mặt trời vẫn khá phổ biến ở người Choang tỉnh Vân Nam. Đây là nghi lễ long trọng mang tính cộng đồng, được tổ chức vào ngày đẹp trời trong tháng Giêng hoặc tháng Hai, gọi là lễ tế mặt trời. Lễ vật tế là con gà trống đẹp, điều này liên quan đến truyền thuyết cho rằng con gà có khả năng gáy gọi mặt trời thức dậy (Nguyễn Thị Yên, 2006, tr.17).

Hơn nữa, cả ba tộc người Tày, Nùng, Choang đều có cùng tâm thức chung là thờ các vị thần ánh sáng, nước, lửa. Việc thờ những vị thần này đều liên quan đến các truyền thuyết giải thích về sự xuất hiện của mặt trời, nước và lửa. Các vị thần trong truyền thuyết được họ biến thành các đối tượng thờ cúng. So với người Choang (Trung Quốc) thì ở người Tày, Nùng (Việt Nam), các nghi thức thờ cúng ít phong phú hơn, ví dụ như nghi lễ thờ thần mặt trời hầu như không có ở vùng Tày, Nùng trong khi các nghi lễ liên quan đến cầu mưa, cầu nước của người Choang lại khá đa dạng. Cả ba tộc người đều cho rằng mặt trời là cha chủ về thái dương, mặt trăng là mẹ chủ về thái âm nên gắn mặt trăng với vai trò của người mẹ lớn cai quản trần gian về nhiều việc, nhất là về sản xuất nông nghiệp. Thờ thần mặt trăng thông qua việc tổ chức nghi lễ nhập hồn mời nàng Trăng là hình thức nghi lễ khá phổ biến ở dọc khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc gồm Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang của Việt Nam và Tịnh Tây, Đức Bảo, Đại Tân, Thiên Đẳng của Trung Quốc. Cách thức tổ chức cả hai bên đều như nhau, đều có tên gọi là mời *Nàng Hai* (Nàng Trăng) nhưng ở bên Việt Nam, hình thức tổ chức đa dạng, với nội dung phong phú hơn và trở thành lễ hội cầu mùa lớn của cả một vùng.

Theo nghiên cứu của Lương Đình Vọng - học giả người Choang, Hoa Bà là nguồn gốc tôtem của dân tộc Choang, nó dẫn đến tôtem của 12 bộ lạc khác. Mễ Lạc Giáp, vị thủy tổ của dân tộc Choang sinh ra từ hoa của muôn loài hoa trong tự nhiên được phong là nữ thần sinh dưỡng Hoa Bà bởi sự dưỡng dục, bảo vệ người và vạn vật vô cùng lớn của bà. Chức năng của bà là phụng dưỡng dân tộc Choang, bảo vệ trẻ con khỏe mạnh. Theo đó, trong nhà dân tộc Nùng cũng có bát hương thờ Hoa Bà, việc thờ cúng linh vị Hoa Bà cũng ngang với linh vị tổ tiên (Trạc Bằng Ngọc, 2021).

Bên cạnh các khía cạnh văn hóa, phong tục cũng thể hiện sự giao thoa văn hóa qua biên giới. Người Nùng ở Cao Bằng sử dụng hệ thống tên đệm để ghi thế thứ qua các đời bằng cách ghi nhớ một hệ thống tên đệm cho riêng dòng họ của mình. Đó là hệ thống khép kín, thường gồm trên 10 chữ, mỗi chữ dùng ở một đời, hết vòng quay trở lại chữ ban đầu. Người Choang ở Quảng Tây từ xưa đã coi việc tuân thủ nghiêm chỉnh thế thứ của hệ thống tên đệm là một tộc quy. Hệ thống tên đệm thường là một bài thơ hoặc một đối liên gồm hai vế đối, chuỗi ngắn thường có 8 - 10 đời, chuỗi dài có trên 30 đời, hết vòng lại quay lại chữ đầu (Chu Xuân Giao, 2001, tr.40).

Nhìn chung, sau khoảng 2 - 3 thế kỷ sinh sống ở Việt Nam, người Nùng ở Cao Bằng vẫn giữ được nhiều yếu tố văn hóa truyền thống gắn bó với nguồn gốc tộc người. Gần đây, quá trình giao lưu với các tộc người trong và ngoài nước cũng đã làm cho văn hóa của đồng bào biến đổi nhiều, tạo ra nguy cơ lai tạp văn hóa giữa các nhóm Nùng ở các địa phương trong nước và giữa người Nùng với các tộc người khác. Hơn nữa, việc di cư lao động qua biên giới của người Nùng và việc tiếp thu các yếu tố văn hóa của các tộc người ở bên kia biên giới khiến cho văn hóa của người Nùng ở Việt Nam ngày càng bổ sung thêm các nét tương đồng với văn hóa của các tộc người thiểu số Trung Quốc giáp biên, làm gia tăng khả năng xóa mờ ranh giới về văn hóa giữa cư dân biên giới của hai nước.

Kết luận

Trong lịch sử cũng như đời sống hiện tại, người Nùng ở Cao Bằng không chỉ có mối quan hệ nguồn gốc mà còn có quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa với người Tày trong nước và người Choang bên kia biên giới. Đồng thời, đồng bào vừa có mối quan hệ giao lưu, vừa có tầm ảnh hưởng đến văn hóa của các tộc người sinh sống trên vùng núi Đông Bắc Việt Nam. Hiện nay, sự giao lưu, tiếp xúc với các tộc người trong nước, nhất là với người Kinh đã góp phần đưa văn hóa Nùng đến gần hơn với văn hóa quốc gia, làm phong phú thêm vốn văn hóa tộc người Nùng có nguồn gốc từ Trung Quốc. Song, hình thức giao lưu qua các phương tiện công nghệ thông tin như một số người trẻ tuổi khởi xướng và duy trì có thể dẫn văn hóa Nùng tới chỗ nhạt bản sắc tộc người, không còn ranh giới đặc trưng văn hóa giữa các nhóm Nùng khác nhau, tạo nên những nét văn hóa pha tạp. Sự giao lưu, tiếp xúc với người Choang và người Hán bên kia biên giới có thể giúp người Nùng ở Cao Bằng tô đậm thêm nét

văn hóa truyền thống của mình nhưng cũng có thể đưa họ đến gần với nguy cơ bị Hán hóa và bị tác động bởi những luồng văn hóa độc hại ngoại nhập. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, sức hút về kinh tế từ bên kia biên giới đối với người dân là rất lớn, kéo theo đó là những tác động đa chiều về văn hóa, xã hội. Văn hóa Nùng tuy có nguồn gốc từ Trung Quốc nhưng đã trải qua một quá trình sinh sống ở Việt Nam lâu dài bởi sự dung hội với những tín ngưỡng bản địa, trở thành một bộ phận không thể thiếu của văn hóa quốc gia Việt Nam. Những biến đổi văn hóa của người Nùng đều có tác động tích cực hay tiêu cực tới văn hóa của các tộc người trong vùng. Trước nguy cơ, thách thức trong việc bảo tồn và làm giàu thêm vốn văn hóa truyền thống của người Nùng Cao Bằng, việc đồng hành, tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ cho người dân từ các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý văn hóa là hết sức cấp thiết, cần được cập nhật thường xuyên cho phù hợp với tình hình mới ở biên giới.

Tài liệu tham khảo

1. Báo ảnh Dân tộc và miền núi (2018), *Một số nét về đời sống văn hóa của người Nùng ở Cao Bằng*, trên trang <https://dantocmiennui.vn/mot-so-net-ve-doi-song-van-hoa-cua-nguoi-nung-o-cao-bang/192900.html> (Truy cập ngày 18/11/2018).
2. Phong Chương (2016), *Giữ gìn tuồng Đá Hai của người Nùng Cao Bằng*, trên trang <https://nhandan.vn/dan-toc-mien-nui/giu-gin-tuong-da-hai-cua-nguoi-nung-cao-bang-25574> (Truy cập ngày 20/2/2020).
3. Cổng thông tin điện tử Bộ Thương Binh - Lao động và Xã hội (2019), *Vượt biên lao động chui - thực trạng và nguyên nhân*, trên trang <https://www.vietnamplus.vn/vuot-bien-di-lao-dong-chui-thuc-trang-va-nguyen-nhan/580824.vnp> (Truy cập ngày 23/11/2019).
4. Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2021), *Cao Bằng: Văn hóa truyền thống - lợi thế góp phần thúc đẩy hoạt động du lịch*, trên trang <https://bvhttdl.gov.vn/cao-bang-van-hoa-truyen-thong-loi-the-gop-phan-thuc-day-hoat-dong-du-lich-20210126085847294.htm> (Truy cập ngày 26/1/2021).
5. Triệu Thị Kiều Dung (2021) *Văn hóa phố chợ - điều kiện dung dưỡng và hình thành dân ca Đá Hai*, trên trang <https://baocaobang.vn/Van-hoa/Van-hoa-pho-cho-dieu-kien-dung-duong-va-hinh-thanh-dan-ca-Da-Hai/83936.bcb> (Truy cập ngày 8/8/2021).
6. Chu Xuân Giao (2001), “Vài nét về lịch sử người Nùng An ở bản Phia Chang, Quảng Hòa, Cao Bằng”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 3 tr. 33 - 42.
7. Thúy Hằng, Thành Luân (2021), *Hội nghị trực tuyến công tác giáo dục giữa 4 tỉnh biên giới Việt Nam với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc*, trên trang caobangtv.vn/tin-tuc-n42906/hoi-nghi-truc-tuyen-trao-doi-cong-tac-giao-duc-giua-4-tinh-bien-gioi-viet-nam-voi-tinh-quang-tay-trung-quoc.html (Truy cập ngày 9/9/2021).

8. Nguyễn Đức Hiệp (2007), *Việt Bắc: lịch sử và con người*, trên trang <http://www.ivce.org/magazinedetail.php?magazinedetailid=MD00000027> (Truy cập ngày 4/5/2007).

9. Trạc Bằng Ngọc (2021), *Thần thoại Hoa Bà của người Choang và sự giao lưu văn hóa cổ Trung - Việt*, trên trang <https://123docz.net/document/7717592-than-toai-hoa-ba-cua-nguoi-choang-tay-nung-va-su-giao-luu-van-hoc-co-trung-viet.htm> (Truy cập ngày 17/3/2021).

10. Phạm Hồng Quý (2008), *Các dân tộc nôm ở hai bên biên giới Việt Nam và Trung Quốc*, trên trang <http://web.cema.gov.vn/modules.php?name=Content&op=details&mid=12050> (Truy cập ngày 1/12/2008).

11. Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan (Đồng chủ biên, 2017), *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam (Nghiên cứu tại vùng miền núi phía Bắc)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

12. Kim Thoa (2017), *Chương trình giao lưu nghệ thuật quốc tế giữa huyện Trùng Khánh (Cao Bằng, Việt Nam) với 02 huyện Tịnh Tây và Đại Tân (Quảng Tây, Trung Quốc)*, trên trang <https://www.caobang.gov.vn/ubnd/4/469/77220/602041/doi-ngoai/chuong-trinh-giao-luu-nghe-thuat-quoc-te-giua-huyen-trung-khanh-cao-bang-viet-nam-voi-02-huyen-t.aspx> (Truy cập ngày 10/9/2021).

13. Long Vũ (2020), *Cả đời tâm huyết với văn hóa Nùng*, trên trang <http://m.baoquankhu1.vn/tin-tuc/dat-va-nguoi-viet-bac/ca-doi-tam-huyet-voi-van-hoa-nung-254355-46262.html> (Truy cập ngày 20/8/2020).

14. Nguyễn Thị Yên (2006), “Một số nghi lễ thờ cúng của người Tày, Nùng Việt Nam và người Choang Trung Quốc”, *Kỷ yếu Hội nghị Thông báo văn hóa dân gian năm 2005*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

15. Nguyễn Thị Yên (2008), “Thực trạng đội ngũ thầy cúng Tày Nùng ở các tỉnh Việt Bắc”, *Kỷ yếu Hội nghị Thông báo văn hóa năm 2007*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

16. Nguyễn Thị Yên (2014), “Sự biến đổi của người thầy cúng ở người Tày và người Nùng ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 2, tr. 92 - 107.